

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2020.

V/v: “Không công nhận quan  
hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Khởi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Phương.

2. Ông Dương Thanh Huỳnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Thẩm Thư - ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 198/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26/12/2019 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Kim B**, sinh năm: 1977. (Có mặt)

Trú tại: Khóm X, phường Y, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: **Ngô Quốc P**, sinh năm: 1979. (Vắng mặt)

Trú tại: Khu vực J, phường Hiệp T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Kim B trình bày:

Chị B và anh P tự quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian rồi đi đến hôn N; có tổ chức đám cưới theo P tục tập quán năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn; cuộc sống chung của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Thời gian 10 năm đầu cuộc sống gia đình

hạnh phúc; sau đó chị B phát hiện anh P có mối quan hệ với người phụ nữ khác từ đó xảy ra nhiều mâu thuẫn. Đã nhiều lần chị B và anh P hàn huyên gia đình nhưng không được; mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên chị B và anh P ly thân hơn 06 năm nay. Hiện nay, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai chăm sóc cho ai, nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Quốc P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Trầm Thiện N (giới tính: Nam), sinh ngày 29/10/2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ngô Quốc P trình bày: Bị đơn thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về thời gian sống chung, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn đúng. Nay bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn; con chung đã trưởng thành, tự cháu định đoạt sống với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, Điều 53 Luật hôn N và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị Trầm Kim B và anh Ngô Quốc P là vợ chồng. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trầm Kim B khởi kiện xin ly hôn với anh Ngô Quốc P, đây là vụ kiện tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và anh Ngô Quốc P có nơi cư trú tại thành phố N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Ngô Quốc P đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Công văn về tình trạng hôn nhân của Ủy ban N dân phường Hiệp Thành xác định anh Ngô Quốc P chưa đăng ký kết hôn với ai tại địa phương. Căn cứ vào lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị B và anh P chưa đăng ký kết hôn với nhau. Từ đó cho thấy không có cơ sở xác định hôn N của nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp nên không được pháp luật thừa nhận. Khi mâu thuẫn gia đình xảy ra chị B yêu cầu ly hôn là không phù hợp mà Tòa án căn cứ vào quy định tại Điều 14; Điều 53 Luật hôn N và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Trầm Kim B và anh Ngô Quốc P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Trầm Thiện N (giới tính: Nam), sinh ngày 29/10/2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[5] Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trầm Kim B và anh Ngô Quốc P là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Trầm Thiện N (giới tính: Nam), sinh ngày 29/10/2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí hôn N và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Trầm Kim B phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000144 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/3/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban N dân nơi bị đơn đăng ký thường trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP. N;
- CCTHA TP. N;
- UBND phường Hiệp Thành;
- UBND phường 3;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Văn Khởi**